TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 951/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Ông Phạm Văn Huấn

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 177/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 03 năm 2018 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Bà Trương Lệ Q. – sinh năm 1975

- Bị đơn : Ông Lê Nhơn H. – sinh năm 1975

Cùng địa chỉ : Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp. HCM.

(Tại phiên tòa, bà Lệ Q. – có mặt, ông Nhơn H. – yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/2/2018, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Trương Lệ Q. trình bày: Bà và ông Lê Nhơn H. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận Tân Bình (nay là phường Z, quận Tân Phú), thành phố Hồ Chí Minh.

-Về mâu thuẫn gia đình : giữa bà và ông Lê Nhơn H. có nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc ông Nhơn H. không phụ giúp gia đình, đam mê cờ bạc. Càng ngày ông H. càng chơi bạc với số lượng tiền lớn hơn nên dẫn đến khó khăn về kinh tế. Mặc dù đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông Nhơn H. vẫn không thay

đổi. Nay nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nhơn H.

- Về con chung : giữa bà và ông Lê Nhơn H. có 03 người con chung tên Lê Kim B. – sinh năm 1998, Lê Trịnh Bích Tr. – sinh ngày 15/02/2002 và Lê Trịnh Bích Ch. – sinh ngày 27/01/2008. Trẻ Kim B. đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng trẻ Bích Tr. và Bích Ch. thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Nhơn H. cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung : bà yêu cầu tự giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Lê Nhơn H. vẫn vắng mặt.

Ngày 05/9/2018, bị đơn ông Lê Nhơn H. có gửi đến cho Tòa án "Giấy chấp nhận ly hôn" với nội dung như sau : "… Xin tòa án xử vắng mặt tôi và xử theo nguyện vọng của bà Trương Lệ Q. Tôi không có ý kiến gì và không đòi hỏi bất cứ việc gì hết, chỉ mong quý tòa chấp thuận cho tôi được quyền ở lại nhà chung với 03 đứa con tôi vì tôi không muốn con tôi biết được ba và mẹ nó ly hôn rồi tự ti, mặc cảm với bạn bè…"

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Lệ Q. vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn ông Lê Nhơn H. yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 99/1996, quyển số 01 ngày 01/11/1996 của Ủy ban nhân dân phường C, quận Tân Bình (nay là phường Z, quận Tân Phú), thành phố Hồ Chí Minh cấp cho các đương sự thì quan hệ giữa bà Trương Lệ Q. và ông Lê Nhơn H. là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiếu yêu cầu xác minh ngày 21/6/2018, công an phường Z, quận Tân Phú, Tp.HCM xác nhận đương sự Lê Nhơn H. hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp.HCM nên Tòa án nhân

dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* ông Lê Nhơn H. đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không đến. Ngày 05/9/2018, bị đơn ông Lê Nhơn H. gửi đơn đến cho Tòa án có nội dung xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Nhơn H.

[3] *Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về quan hệ hôn nhân: Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "…Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được…" .

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào các văn bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương, Chi hội phụ nữ khu phố 3 có đến gia đình hòa giải rất nhiều lần nhưng không thành. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng ông Lê Nhơn H. vẫn không đến và không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án. Việc này thể hiện bị đơn ông Lê Nhơn H. đã không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi thông báo mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì ngày 05/9/2018 bị đơn ông Lê Nhơn H. có gửi đến cho Tòa án "Giấy chấp nhận ly hôn" với nội dung như sau : "… Xin tòa án xử vắng mặt tôi và xử theo nguyện vọng của bà Trương Lệ Q. Tôi không có ý kiến gì và không đòi hỏi bất cứ việc gì hết, chỉ mong quý tòa chấp thuận cho tôi được quyền ở lại nhà chung với 03 đứa con tôi vì tôi không muốn con tôi biết được ba và mẹ nó ly hôn rồi tự ti, mặc cảm với bạn bè…". Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông Lê Nhơn H. và bà Trương Lệ Q. thường xuyên xảy mâu thuẫn là có cơ sở. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trương Lệ Q.

- Về con chung: Nguyên đơn bà Trương Lệ Q. trình bày có 03 người con chung tên Lê Kim B. – sinh năm 1998, Lê Trịnh Bích Tr. – sinh ngày 15/02/2002 và Lê Trịnh Bích Ch. – sinh ngày 27/01/2008. Trẻ Kim B. đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào bản tự khai ngày 13/8/2018, các trẻ Bích Tr. và Bích Ch. có cùng nguyện vọng được chung sống cùng bà Trương Lệ Q. vì cho rằng bà Q. là người chăm sóc cho các con tốt hơn. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Lê Trịnh Bích Tr. – sinh ngày 15/02/2002 và Lê Trịnh Bích Ch. – sinh ngày

27/01/2008 cho bà Trương Lệ Q. trực tiếp nuôi dưỡng. Giành quyền khởi kiện về con chung cho ông Lê Nhơn H. trong vụ án khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Trương Lệ Q. không yêu cầu bị đơn ông Lê Nhơn H. cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giành quyền khởi kiện về cấp dưỡng cho ông Lê Nhơn H. trong vụ án khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Trương Lệ Q. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giành quyền khởi kiện tranh chấp về tài sản chung, nợ chung cho ông Lê Nhơn H. trong vụ án khác.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Lệ Q.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trương Lệ Q. phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Lê Nhơn H. không nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản1 Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí năm 2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Lệ Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Lệ Q. được ly hôn với ông Lê Nhơn H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99/1996, quyển số 01 ngày 01/11/1996 của Ủy ban nhân dân phường C, quận Tân Bình (nay là phường Z, quận Tân Phú), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trương Lệ Q. và ông Lê Nhơn H. không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trịnh Bích Tr. – sinh ngày 15/02/2002 và Lê Trịnh Bích Ch. – sinh ngày 27/01/2008 cho bà Trương Lệ Q. trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Nhơn H. không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Lê Kim B. – sinh năm 1998 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường khỏe mạnh nên không xem xét.

Ông Lê Nhơn H. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Trương Lệ Q. cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc ông Lê Nhơn H. thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Vì cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn bà Trương Lệ Q. không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Giành quyền khởi kiện tranh chấp về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung cho ông Lê Nhơn H. trong vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trương Lệ Q. phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010722 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Lệ Q. đã nộp đủ án phí. Ông Lê Nhơn H. không phải nộp án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

Nguyễn Thị Thanh Hiển